TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2024/DS-PT
Ngày 26 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hà.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng.
Ông Trần Duy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2024/TLPT-DS ngày 28/5/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 190/2024/QĐ-PT ngày 04/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G; địa chỉ: Số D L, tổ dân phố E, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Y Sim Ê; địa chỉ: Buôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên hệ: Số C N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 08/01/2024); Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến T – Luật sư thuộc Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Số C N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L; địa chỉ: Số A Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Ngày 13/12/2023, bà Nguyễn Thị Bích L vay của bà Nguyễn Thị G số tiền 160.000.000 đồng, hai bên có lập và ký vào Giấy mượn tiền nội dung hẹn 06 giờ sáng ngày 14/12/2023 sẽ trả lại, lãi suất thỏa thuận dưới 1,5%/ tháng.

Ngày 14/12/2023, bà L nói đang khó khăn, không kịp xoay tiền để trả cho bà G số tiền 160.000.000 đồng như đã hẹn và bà L còn vay thêm của bà G số tiền 20.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/12/2023 sẽ trả. Hai bên thỏa thuận bằng miệng lãi suất theo Ngân hàng. Bà L có cầm cố cho bà G 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 47E1-401.71, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 47000467. Hai bên có lập và ký "Biên bản cầm cố tài sản". Khi vay tiền của bà G thì bà L nói mục đích vay tiền là để bà L cho người khác mượn và lo việc gia đình. Tuy nhiên, sau khi vay tiền của bà G thì bà L chưa trả khoản tiền gốc nào. Bà G đã nhiều lần yêu cầu bà L trả tiền vay gốc cho bà G (không yêu cầu tiền lãi) nhưng bà L cứ khất nợ và không chịu trả. Hiện nay bà L chưa sang tên giấy tờ xe cho bà G nên chiếc xe vẫn là tài sản của bà L.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Bích L phải trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền vay tổng cộng là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Ngày 13/11/2023, bà L vay của bà G số tiền 40.000.000 đồng. Bà G yêu cầu bà L đóng lãi trước 13.000.000 đồng nên số tiền thực nhận là 27.000.000 đồng. Lãi suất 15.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, hẹn 14 ngày sau tức ngày 27/11/2023 trả đủ cả gốc và lãi.

Từ ngày 28/11/2023, bà L vay tiếp 50.000.000 đồng. Bà G yêu cầu bà L đóng lãi trước 12.500.000 đồng nên số tiền thực nhận là 37.500.000 đồng. Lãi suất 20.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, hẹn 07 ngày sau tức ngày 04/12/2023 trả đủ cả gốc và lãi.

Ngày 05/12/2023, bà L vay tiếp 60.000.000 đồng. Bà G yêu cầu bà L đóng lãi trước 6.000.000 đồng nên số tiền thực nhận là 54.000.000 đồng. Lãi suất 50.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, hẹn 02 ngày sau tức ngày 07/12/2023 trả đủ cả gốc và lãi.

Ngày 08/12/2023, bà L không có tiền trả cho bà G nên bà G buộc bà L phải đóng 20.000.000 đồng tiền lãi, nên bà L đã trả số tiền lãi 20.000.000 đồng cho bà G.

Cùng ngày 08/12/2023, bà G tiếp tục gia hạn cho bà L thời hạn trả nợ đến ngày 13/12/2023 nhưng bà L vẫn không có tiền trả. Vì vậy, hai bên thỏa thuận

xác lập giấy mượn tiền ngày 13/12/2023 thay thế cho các khoản vay trước đó, có nội dung bà L mượn của bà G số tiền 160.000.000 đồng, hẹn 06 giờ sáng 14/12/2023 dương lịch trả lại, lãi suất dưới 1,5%/tháng. Bà L xác nhận chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 13/12/2023 là do bà L ký nhận, nhưng là do bà G ép bà L ký nhận, không có người làm chứng, không có chứng cứ chứng minh.

Ngoài khoản vay trên thì giữa bà L và bà G còn chơi "tiền góp", nghĩa là mỗi ngày bà L đóng cho bà G 400.000 đồng, đóng đến khi đủ 20.000.000 đồng thì bà G giao 20.000.000 đồng cho bà L. Số tiền thực tế bà L đưa cho bà G là 3.800.000 đồng. Ngày 14/12/2023, do bà L chưa đưa tiền góp cho bà G nên bà G đã ép bà L ký 01 biên bản cầm cố tài sản 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 47E1-401.71, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 47000467. Hai bên có lập và ký "Biên bản cầm cố tài sản", bà L đã ký xác nhận số nợ 20.000.000 đồng, hẹn ngày 20/12/2023 nếu bà L không trả số tiền 20.000.000 đồng thì bà G được toàn quyền sử dụng xe mô tô nói trên. Việc bà L ký vào Biên bản cầm cố tài sản là do bà G ép ký, tuy nhiên không có người làm chứng, không có chứng cứ chứng minh.

Tất cả các khoản vay và trả như bà L trình bày thì giữa bà L và bà G có xác lập giấy tờ nhưng bà G giữ toàn bộ, bà L không giữ tờ giấy vay mượn hay trả nợ nào, nên bà L không có tài liệu, chứng cứ để nộp cho Tòa án.

Tổng số tiền bà L nhận của bà G là 118.500.000 đồng. Vì vậy, bà L chỉ đồng ý trả cho bà G số tiền bà L đã vay là 118.500.000 đồng.

Đối với chiếc xe máy bà G giữ của bà L hai bên chưa sang tên giấy đăng ký xe mô tô nên vẫn là tài sản của bà L, bà G chỉ giữ làm tin. Bà L không có yêu cầu khởi kiện đòi chiếc xe trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2024/DS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu 9.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G 4.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0014817 ngày 29/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 07/5/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L có đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà L phải trả cho bà G tổng số tiền 180.000.000 đồng nhưng không tuyên xử lý phần tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 47E1-40171 mà bà L đã cầm cố để vay số tiền 20.000.000 đồng là không đúng. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét buộc bà Nguyễn Thị G trả lại cho bà L chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 47E1-401.71.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự – Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar để xử lý phần tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 47E1-401.71 của bà Nguyễn Thị Bích L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích L làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Khi xem xét, đánh giá chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại Biên bản làm việc ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét thấy nguyên đơn bà G và bị đơn bà L đều thừa nhận hiện nay bà L còn nợ bà G 02 khoản tổng cộng là 180.000.000 đồng, gồm:

+ Tại Giấy mượn tiền ngày 13/12/2023 bà L vay 160.000.000 đồng.

+ Tại Biên bản cầm cố tài sản ngày 14/12/2023 bà L vay 20.000.000 đồng và cầm cố cho bà G 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 47E1-401.71, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 47000467.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà L cho rằng số tiền 160.000.000 đồng có nguồn gốc là giấy chốt nợ của nhiều khoản vay từ trước đó; khi nhận tiền, bà G yêu cầu phải trả trước tiền lãi và trừ thẳng tiền lãi vào số tiền vay gốc, nên số tiền bà L thực nhận không phải 160.000.000 đồng mà chỉ là 118.500.000 đồng. Bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là bà đã trả cho bà G các khoản lãi như bà trình bày, cũng không chứng minh được việc bị bà G ép buộc ký nhận các khoản vay nói trên, đồng thời không được bà G thừa nhận. Bà L cho rằng toàn bộ giấy tờ trả nợ đều do bà G giữ, nhưng đáng lẽ khi trả tiền cho bà G thì bà L phải yêu cầu bà G viết giấy nhận tiền rồi bà L là người giữ giấy trả nợ mới hợp lý. Tuy nhiên, bà G không yêu cầu tính tiền lãi và bà L cũng thừa nhận hiện nay bà còn nợ của bà G tổng cộng 180.000.000 đồng như nội dung khởi kiện của bà G, nên HĐXX không xem xét về tiền lãi.

Đã quá hạn trả nợ theo cam kết nhưng bà L vẫn không thanh toán cho bà G là vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết trong 02 hợp đồng vay tiền. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G để buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà G tổng số tiền gốc 180.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, trong tổng số tiền vay 180.000.000 đồng có 20.000.000 đồng là hợp đồng vay tiền có biện pháp bảo đảm cầm cố tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 47E1-401.71 của bà L để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay 20.000.000 đồng ngày 14/12/2023 theo quy định tại Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà L trả cho bà G số tiền 20.000.000 đồng này nhưng không xử lý tài sản cầm cố là vi phạm quy định tại Điều 315, 316 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại Biên bản cầm cố tài sản ngày 14/12/2023 hai bên thỏa thuận trong trường hợp đến ngày 20/12/2023 bà L không trả 20.000.000 đồng cho bà G thì bà G được quyền sử dụng tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô nói trên. Đây là sự

thỏa thuận giữa hai bên nên việc đến nay bà G vẫn là người sử dụng chiếc xe mô tô nói trên của bà L là đúng với thỏa thuận giữa các bên vì nghĩa vụ được đảm bảo bằng tài sản cầm cố chưa được chấm dứt (Bà L chưa trả nợ). Do đó, bà L kháng cáo yêu cầu bà G phải trả lại cho bà L chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 47E1-401.71 là không có căn cứ để chấp nhận, mà HĐXX chỉ có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của bà L - Sửa án sơ thẩm về phần xử lý tài sản thế chấp: Bà G có nghĩa vụ trả lại cho bà L 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 47E1-401.71 sau khi bà L thực hiện xong nghĩa vụ trả số tiền 20.000.000 đồng cho bà G.

[3] Về án phí: Do được chấp nhận một phần đơn kháng cáo nên bà Nguyễn Thị Bích L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk về phần xử lý tài sản cầm cố.

[2] Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị G tổng số tiền 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), trong đó gồm: Số tiền gốc 160.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 13/12/2023 và số tiền gốc 20.000.000 đồng theo Biên bản cầm cố tài sản ngày 14/12/2023.

Bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích L tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển kiểm soát 47E1 – 401.71, số máy: JF63E2618953, số khung: RLHJF6322KZ182396, màu sơn: Xám Đen và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 47000467 do Công an xã Q, huyện C cấp ngày 09/5/2023 mang tên bà Nguyễn Thị Bích L sau khi bà Nguyễn Thị Bích L trả xong số tiền gốc 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị G.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về án phí:

[2.2.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu 9.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G 4.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0014817 ngày 29/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[2.2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích L không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0007576 ngày 07/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND huyện Cư M'gar;*
- *Chi cục THADS huyện Cư M'gar;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thanh Hà